

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHỨC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các Thẩm phán:

ông **Phạm Tôn**

- **Thư ký phiên tòa:** bà **Trịnh Thị Hằng**, Thẩm tra viên chính Tòa phúc thẩm
Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Ngô Ý Nhi, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 192/2025/TLPT-HC ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2025/HC-ST ngày 02/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 317a/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** ông **Hồ Quang H**, bà **Nguyễn Thị Nghĩa**

Địa chỉ: thôn Q, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn Q, xã C, tỉnh Đắk Lắk).

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Hồ Quang L**, sinh năm 1984

Địa chỉ: thôn H, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn H, xã C, tỉnh Đắk Lắk); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: bà **Trần Thị Phương L1** - Trợ giúp viên pháp lý của **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ**; có mặt.

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đức T - chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Trần Văn C1, bà Hồ Thị Hồng

Địa chỉ: thôn Q, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn Q, xã C, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đ); vắng người đại diện.

3. Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Đắk Lắk; vắng người đại diện.

* **Người kháng cáo:** người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C1, bà Hồ Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của người khởi kiện ông Hồ Quang H, bà Nguyễn Thị N1, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Hồ Quang L, thống nhất trình bày:

Năm 1990, ông H, bà N1 khai hoang diện tích đất khoảng 9.156,4 m² tại thôn Q, xã C, huyện M, theo sơ đồ địa chính hiện nay là thửa đất số 119, tờ bản đồ số 35. Quá trình quản lý, sử dụng đất, ông H, bà N1 xây dựng nhà, các công trình phụ ở ổn định từ đó đến nay, không tranh chấp với ai.

Năm 2022, ông H, bà N1 làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân xã C niêm yết danh sách phê duyệt, đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng sau đó Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M'Drăk thông báo thửa đất Ông, Bà đang quản lý, sử dụng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn C1, bà Hồ Thị H1 tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 3 (cũ) diện tích 10.720 m² theo Quyết định số 116/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện M, vào sổ cấp số 75345; QSDĐ.NH01, ngày 08/6/1995.

Ông H, bà N1 cho rằng việc Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C1, bà H1 là không đúng, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình Ông. Do đó, ông H, bà N1 khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 75345, QSDĐ/NH01, ngày 08/6/1995 do Ủy ban nhân dân huyện M cho ông Trần Văn C1, bà Hồ Thị H1.

Ngày 16/12/2024, ông H, bà N1 có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 112347 (số vào sổ số: 75345, QSDĐ. NH01) do Ủy ban nhân dân huyện M cho hộ ông Trần Văn C1 ngày 08/6/1995 tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 3 với diện tích 10.720m².

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện M ông Nguyễn Đức T trình bày:

Ngày 14/4/1995, ông **Trần Văn C1** làm đơn xin đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 66 tờ bản đồ 3 diện tích 10.720 m² (400 m² đất ở nông thôn, 10.320 m² đất màu). Nguồn gốc đất theo kê khai trong đơn do **Ủy ban nhân dân xã C**, được Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã Cư M'ta xét duyệt ngày 30/4/1995 và thông báo công khai hồ sơ đăng ký từ ngày 07/5/1995 đến hết ngày 20/5/1995 (trong thời hạn niêm yết công khai hồ sơ đăng ký không nhận được kiến nghị, phản ánh, tranh chấp liên quan đến kết quả kiểm tra đề nghị cấp Giấy chứng nhận).

Ngày 05/6/1995, **Ủy ban nhân dân xã C** có Tờ trình số 22/TTr-UBND về việc phê duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 08/6/1995, **Ủy ban nhân dân huyện M** có Quyết định số 116/QĐ-UBND về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trong đó hộ ông **Trần Văn C1**, bà **Hồ Thị H1** được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 66 tờ bản đồ số 3 diện tích 10.720 m² tại **thôn B, xã C nay là thôn Q, xã C**.

Như vậy, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 66 tờ bản đồ 3 diện tích 10.720 m² cho hộ ông **Trần Văn C1** và bà **Hồ Thị H1** được Hội đồng tư vấn đất đai **xã C** xét duyệt, công khai kết quả xét duyệt theo quy định; được **Ủy ban nhân dân xã C** đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được **Ủy ban nhân dân huyện M** quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo trình tự.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất vào sổ cấp số 75345, QSDĐ.NH01 ngày 08/6/1995, giai đoạn này do **Sở T** chủ trì cấp cho người sử dụng đất, nên **Ủy ban nhân dân huyện K** bản sao.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ ông Phạm Gia T1 trình bày:

Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông **Trần Văn C1**, bà **Hồ Thị H1** được thực hiện theo trình tự quy định tại Luật Đất đai 1993. Ngày 30/11/1995, **Sở địa chính tỉnh Đ** (nay là **sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ**) ký trích lục bản đồ đối với thửa đất 66, tờ bản đồ số 3 diện tích 10.720m² kèm theo giấy chứng nhận số H 112347.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông **Hồ Quang H**, bà **Nguyễn Thị N1**, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã C trình bày: thửa đất số 66, tờ bản đồ số 3 cũ, diện tích 10.720 m² (theo bản đồ mới có diện tích 9.156,4 m², thửa 119, tờ bản đồ 35) tại thôn 2 cũ, nay là **thôn Q, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk** do hộ ông **Hồ Quang H** đang quản lý, sử dụng nhưng cấp nhầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang cho hộ ông **Trần Văn C1**.

Hộ ông **Trần Văn C1** đang sử dụng đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ 3 cũ, diện tích 8.480 m² (theo bản đồ mới có diện tích 9.353,4 m², thửa đất số 130, tờ bản đồ

35 tại thôn B cũ nay là thôn Q, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C1, bà Hồ Thị H1 trình bày:

Diện tích đất ông H, bà N1 đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc do ông C1 cùng cha mẹ ông là cụ Trần Văn T2, cụ Trần Thị T3 (đã chết) và em trai là ông Trần Văn H2 khai hoang từ năm 1989. Năm 1990, do ông H và bà N1 không có đất ở, nên cha mẹ ông C1, bà H1 cho ông H, bà N1 sử dụng một phần diện tích đất để ở nhưng ông C1, bà H1 không biết cha mẹ Ông, Bà cho hay cho mượn phần đất này và cũng không có giấy tờ chứng minh. Ông H, bà N1 sử dụng đất liên tục từ đó cho đến năm 2022, có ranh giới sử dụng đất rõ ràng với đất nhà Ông, Bà. Quá trình quản lý, sử dụng đất đến năm 1995, Ông, Bà được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 112347, thửa đất số 66, tờ bản đồ số 3, diện tích 10.720m². Khi cấp đất, Ông, Bà không đo đạc nên không biết và không xác định được vị trí, diện tích đất có đúng với thực tế sử dụng đất hay không.

Đến năm 2022, khi ông H, bà N1 làm thủ tục đo đạc và đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Ông, Bà mới biết phần đất ông H, bà N1 đang sử dụng nằm trong phần đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông, Bà. Nay ông H, bà N1 khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 112347 ngày 08/6/1995 Ông, Bà không đồng ý với lý do gia đình Ông, Bà không có lỗi trong việc cơ quan nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng vì tình làng nghĩa xóm và nếu ông H, bà N1 để cho gia đình Ông, Bà 05m đất làm lối đi, thì Ông đồng ý giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chính quyền địa phương xử lý, sang tên cho ông H, bà N1. Nếu ông H, bà N1 không đồng ý thì Ông, Bà yêu cầu lấy lại toàn bộ thửa đất nêu trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2025/HC-ST ngày 02/4/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định: căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính; điểm d khoản 2, khoản 6 Điều 152 Luật đất đai năm 2024; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Quang H, bà Nguyễn Thị N1.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 112347 (sổ vào sổ số: 75345, QSDĐ. NH01) do Ủy ban nhân dân huyện M cho hộ ông Trần Văn C1 ngày 08/6/1995 tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 3 với diện tích 10.720m². Địa chỉ thửa đất tại xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, Toà án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 05/5/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Trần Văn C1**, bà **Hồ Thị H1** kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Hồ Quang H**, bà **Nguyễn Thị N1**.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính;

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Trần Văn C1**, bà **Hồ Thị H1**, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ngày 05/5/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Trần Văn C1**, bà **Hồ Thị H1** kháng cáo bản án sơ thẩm, Đơn kháng cáo của đương sự trong thời hạn quy định tại Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính. Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ** (nay là **Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đ**) và **Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk** (gười kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là **Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Đắk Lắk**) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Trần Văn C1**, bà **Hồ Thị H1**, Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết các vấn đề sau:

[2.1]. Về tố tụng:

Ngày 17/3/2023, Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện M** ban hành Thông báo số 271/TB-CNMR trả lời cho ông **H**, bà **N1** biết thửa đất số 119, tờ bản đồ số 35 (cũ là thửa đất số 66, tờ bản đồ số 3), diện tích 10.720m² tại **thôn Q, xã C, huyện M** đã được **Ủy ban nhân dân huyện M** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 112347 ngày 08/6/1995 cho hộ ông **Trần Văn C1** (bút lục 163-164). Không đồng ý với việc **Ủy ban nhân dân huyện M** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **C1**, ngày 19/9/2023, ông **H**, bà **N1** khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 112347 ngày 08/6/1995. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi

kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2.2]. Về nội dung:

Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 35 (cũ là thửa đất số 66, tờ bản đồ số 3), diện tích 10.720m² tọa lạc tại **thôn Q, xã C, huyện M** có nguồn gốc do vợ chồng ông **Hồ Quang H**, bà **Nguyễn Thị N1** khai hoang từ năm 1990, sau đó xây nhà ở ổn định từ đó cho đến nay, không có ai tranh chấp.

Ngày 17/3/2022, ông **H** và bà **N1** nộp hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện M** thì được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M'Đrăk thông báo thửa đất nêu trên đã được **UBND huyện M** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Trần Văn C1**, bà **Hồ Thị H1** vào ngày 08/6/1995; ông **H**, bà **N1** kiến nghị đến **Ủy ban nhân dân xã C**. Quá trình hòa giải tại **Ủy ban nhân dân xã C**, ông **C1**, bà **H1** đề nghị ông **H**, bà **N1** cho 05m đất để làm đường đi, ông **C1** sẽ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ quan cấp đất xử lý nhưng ông **H**, bà **N1** không đồng ý.

Tại Biên bản xét duyệt số 40/UBND ngày 06/7/2022 về việc xét đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Tờ trình số 38/TTr-UBND ngày 21/7/2022 về việc đề nghị cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân tại **thôn Q, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk** của **Ủy ban nhân dân xã C** (bút lục 08, 09), thể hiện: diện tích 9.156,4m² đất, thửa đất số 119, tờ bản đồ số 35 do ông **Hồ Quang H**, bà **Nguyễn Thị N1** tự khai hoang từ năm 1990 và xây nhà ở ổn định từ đó cho đến nay, không có tranh chấp; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, đề nghị **Ủy ban nhân dân huyện M** xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Mặt khác, ông **Trần Văn C1** và bà **Hồ Thị H1** cũng xác nhận diện tích đất nêu trên được ông **H**, bà **N1** quản lý, sử dụng từ năm 1990 đến nay, có ranh giới sử dụng đất rõ ràng; tuy nhiên diện tích đất là do ông **C1** và cha mẹ, em trai khai hoang từ năm 1989, vì ông **H**, bà **N1** không có đất để làm nhà ở nên cha mẹ Ông, Bà cho ông **H**, bà **N1** mượn đất để ở nhưng ông **C1**, bà **H1** không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh; đồng thời ông **H**, bà **N1** không thừa nhận có việc mượn đất.

Như vậy, có cơ sở khẳng định, thửa đất số 119, tờ bản đồ số 35 (cũ là thửa đất số 66, tờ bản đồ số 3), diện tích 10.720m² đất tại **thôn Q, xã C, huyện M** có nguồn gốc do ông **H**, bà **N1** khai hoang từ năm 1990; quá trình quản lý, sử dụng đất, ông **H**, bà **N1** xây nhà ở ổn định từ đó cho đến nay, không tranh chấp với ai. Tuy nhiên, ngày 08/6/1995 **Ủy ban nhân dân huyện M** đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông **C1**; trong khi hộ ông **C1** đang sử dụng đất tại vị trí liền kề thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ 35 (thửa đất số 67, tờ bản đồ 3 cũ) nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc **Ủy ban nhân dân huyện M** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 112347 ngày 08/6/1995 cho hộ ông **Trần Văn C1** đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 3, diện tích 10.720m² là có sai sót, nhầm lẫn về vị trí và người sử dụng đất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của ông H, bà N1, tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 112347 ngày 08/6/1995 do UBND huyện M cấp cho hộ ông Trần Văn C1 tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 3 với diện tích 10.720m² tọa lạc tại thôn Q, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của ông ông Trần Văn C1, bà Hồ Thị H1 là không có căn cứ chấp nhận nên giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4]. Về án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Văn C1, bà Hồ Thị H1 phải chịu theo quy định.

[5]. Quyết định của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

Bác toàn bộ kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C1, bà Hồ Thị H1. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2025/HC-ST ngày 02/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí phúc thẩm: căn cứ khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ông Trần Văn C1, bà Hồ Thị H1 phải chịu 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000132 ngày 09/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đ). Ông Trần Văn C1, bà Hồ Thị H1 đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm về phần án phí, chi phí tố tụng không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT IV - TAND tối cao;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Kiên